

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 735 /GDĐT

Nhà Bè, ngày 27 tháng 5 năm 2022

V/v triển khai thực hiện chương trình
cho vay đối với học sinh có hoàn cảnh
gia đình khó khăn để mua máy tính,
thiết bị phục vụ học tập trực tuyến

Kính gửi:

- Cán bộ, công chức Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Hiệu trưởng các trường tiểu học và THCS.

Thực hiện Văn bản số 921/UBND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về việc triển khai thực hiện chương trình cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến trên địa bàn Huyện;

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè đề nghị Hiệu trưởng các trường tiểu học và trung học cơ sở thực hiện các nội dung như sau:

1. Tổ chức triển khai đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh về nội dung Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến; đặc biệt quan tâm đến hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 (có cha, mẹ mất do dịch bệnh COVID-19) và Hướng dẫn số 2466/NHCS-TDSV ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về nghiệp vụ cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến.

2. Phối hợp chặt chẽ với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Nhà Bè và Quận 7 trong quá trình thực hiện cho vay tại đơn vị.

3. Thủ trưởng các đơn vị trường học tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện vào cuối mỗi tháng gửi Ủy ban nhân dân Huyện (thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nhà Bè và Quận 7) và Phòng Giáo dục và Đào tạo để biết.

(Đính kèm Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến và Hướng dẫn số 2466/NHCS-TDSV ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về nghiệp vụ cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh

gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến)./. *cwl*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Huyện “để báo cáo”;
- Lưu: VT. *cwl*

TRƯỞNG PHÒNG



[Signature]

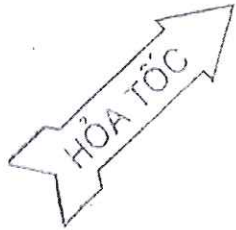
Lê Thị Oanh

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2022/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2022



QUYẾT ĐỊNH

Về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 43/2022/QH15) và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 11/NQ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Chính sách xã hội.
2. Khách hàng vay vốn.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Đối tượng và điều kiện vay vốn

1. Đối tượng vay vốn bao gồm:

a) Học sinh các cấp đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật Giáo dục đáp ứng các điều kiện tại khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là học sinh);

b) Học sinh, sinh viên đang theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam đáp ứng các điều kiện tại khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là sinh viên).

2. Học sinh, sinh viên phải đáp ứng các điều kiện vay vốn sau:

a) Là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn quy định của pháp luật hoặc hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (có bố hoặc mẹ hoặc bố và mẹ mất do dịch Covid-19);

b) Không có máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến và chưa được hưởng chính sách hỗ trợ máy tính, thiết bị học tập trực tuyến dưới mọi hình thức.

Điều 4. Phương thức cho vay

1. Việc cho vay đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình của học sinh, sinh viên là người đứng tên vay và giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Trường hợp đối tượng tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định này đã đủ 18 tuổi thì được trực tiếp đứng tên vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cư trú hoặc nơi nhà trường đóng trụ sở nếu hộ gia đình không còn thành viên nào đủ 18 tuổi trở lên hoặc thành viên còn lại không còn sức lao động, không có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

3. Việc cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội được thực hiện theo phương thức ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội theo hợp đồng ủy thác hoặc trực tiếp cho vay đến người vay.

Điều 5. Mục đích sử dụng vốn vay

Vốn vay được sử dụng để mua máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến bao gồm: máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng và các thiết bị ghi hình kỹ thuật số (webcam), thiết bị thu thanh (microphone).

Điều 6. Mức vốn cho vay

Mức vốn cho vay tối đa 10 triệu đồng/học sinh, sinh viên.

Điều 7. Đồng tiền cho vay, trả nợ

Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

Điều 8. Thời hạn cho vay

1. Thời hạn cho vay tối đa 36 tháng.

2. Đối với trường hợp sinh viên trực tiếp đứng tên vay vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này:

a) Tại thời điểm vay vốn nếu thời gian dự kiến kết thúc khóa học còn từ 24 tháng trở lên thì thời hạn cho vay tối đa được tính từ ngày vay đến hết 12 tháng sau thời điểm dự kiến kết thúc khóa học;

b) Thời điểm dự kiến kết thúc khóa học của sinh viên tại điểm a khoản này được xác định theo giấy xác nhận của nhà trường.

Điều 9. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay 1,2%/năm.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay hộ nghèo tại thời điểm vay vốn.

Điều 10. Nguồn vốn cho vay và thời gian giải ngân nguồn vốn cho vay

1. Nguồn vốn cho vay theo Quyết định này và cho vay theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) tối đa là 3.000 tỷ đồng từ nguồn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP.

2. Việc sử dụng nguồn vốn thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị quyết số 11/NQ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan.

3. Thời gian giải ngân nguồn vốn cho vay không vượt quá thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoặc thời điểm hết nguồn vốn cho vay quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo điều kiện nào đến trước.

Điều 11. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro

1. Ngân hàng Chính sách xã hội phân loại các khoản nợ cho vay theo Quyết định này theo quy định tại Quyết định số 976/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế phân loại nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

2. Ngân hàng Chính sách xã hội xử lý nợ bị rủi ro theo quy định tại Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội, Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khác (nếu có).

Điều 12. Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, gia hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn

Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn về hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, gia hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn, đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Điều 13. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hằng quý, năm và khi kết thúc chương trình, Ngân hàng Chính sách xã hội gửi Bộ Tài chính báo cáo kết quả thực hiện cho vay theo Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Thời hạn, thời gian chốt số liệu và phương thức gửi báo cáo:

a) Thời hạn gửi báo cáo:

- Báo cáo quý: Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý;
- Báo cáo năm: Chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm;
- Báo cáo kết thúc chương trình: Chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc chương trình.

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo quý, năm: Thời điểm bắt đầu lấy số liệu là ngày đầu tiên của quý, năm báo cáo; thời điểm kết thúc lấy số liệu là ngày cuối cùng của quý, năm báo cáo.

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo kết thúc chương trình: Thời điểm bắt đầu lấy số liệu là thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành; thời điểm kết thúc lấy số liệu là ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoặc thời điểm thông báo hết nguồn vốn cho vay, tùy theo điều kiện nào đến trước.

d) Phương thức gửi báo cáo thực hiện theo một trong các phương thức sau:

- Gửi trực tiếp dưới hình thức văn bản giấy;
- Gửi qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức văn bản giấy;
- Gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng;
- Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định tại Quyết định này và trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Ban hành các quy định nêu tại Điều 12 Quyết định này;

b) Quản lý và sử dụng nguồn vốn, thực hiện cho vay đúng đối tượng, điều kiện và mục đích theo quy định của Quyết định này; báo cáo Bộ Tài chính về kết quả thực hiện cho vay theo quy định tại Điều 13 Quyết định này;

c) Căn cứ tình hình triển khai thực tế, trước khi hết nguồn vốn cho vay tối đa quy định tại khoản 1 Điều 10 Quyết định này 01 tháng, Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử và trụ sở của Ngân hàng Chính sách xã hội về thời điểm dự kiến kết thúc giải ngân nguồn vốn, đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính về thời điểm dự kiến kết thúc giải ngân nguồn vốn;

d) Phối hợp với các bộ, ngành báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này.

3. Bộ Tài chính chủ trì báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu cần thiết).

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan: Chỉ đạo các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp thuộc quyền quản lý phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp và Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức việc tuyên truyền và thực hiện chính sách tại Quyết định này.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc rà soát, xác nhận về đối tượng và điều kiện thụ hưởng chính sách quy định tại Điều 3 Quyết định này.

6. Các cơ quan liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao cùng phối hợp để triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách quy định tại Quyết định này để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bồi thường, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

110

KT. THỦ TƯỚNG

PHÓ THỦ TƯỚNG



Lê Minh Khái



MẪU BÁO CÁO QUÝ NĂM/KẾT THÚC CHƯƠNG TRÌNH PHÂN LOẠI THEO ĐỐI TƯỢNG THỦ HƯỞNG

(Kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg

ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

[illegible]



(Kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg

ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

[illegible]

HƯỚNG DẪN

Nghiệp vụ cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến;

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến theo Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Khách hàng vay vốn: hộ gia đình vay vốn cho học sinh, sinh viên và sinh viên trực tiếp vay vốn.

b) Đơn vị, cá nhân thuộc NHCSXH;

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Đối tượng và điều kiện vay vốn

2.1. Đối tượng vay vốn bao gồm:

a) Học sinh các cấp đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của Luật Giáo dục đáp ứng các điều kiện tại điểm 2.2 khoản này (sau đây gọi chung là học sinh);

b) Học sinh, sinh viên đang theo học tại các trường đại học (hoặc tương đương đại học), cao đẳng, trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam đáp ứng các điều kiện tại điểm 2.2 khoản này (sau đây gọi chung là sinh viên).

2.2. Điều kiện vay vốn

Học sinh, sinh viên phải đáp ứng các điều kiện vay vốn sau:

a) Là thành viên của hộ gia đình thuộc một trong các đối tượng: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn quy định của pháp luật hoặc hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 (có bố, mẹ hoặc bố mẹ mất do dịch Covid-19);

b) Không có máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến và chưa được hưởng chính sách hỗ trợ máy tính, thiết bị học tập trực tuyến dưới mọi hình thức

3. Nguyên tắc vay vốn

3.1. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay;

3.2. Khách hàng vay vốn phải trả nợ cả gốc và lãi đúng hạn.

4. Mục đích sử dụng vốn vay

Vốn vay được sử dụng để mua máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến bao gồm: máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng và các thiết bị ghi hình kỹ thuật số (webcam), thiết bị thu thanh (microphone).

5. Phương thức cho vay

5.1. NHCSXH thực hiện phương thức cho vay có ủy thác một số nội dung công việc cho các tổ chức chính trị- xã hội theo quy định của NHCSXH. Việc cho vay đối với học sinh, sinh viên được thực hiện theo phương thức cho vay thông qua hộ gia đình. Đại diện hộ gia đình của học sinh, sinh viên là người đứng tên vay vốn tại NHCSXH.

5.2. NHCSXH thực hiện phương thức cho vay trực tiếp tại NHCSXH nơi cư trú hoặc nơi nhà trường đóng trụ sở đối với trường hợp khách hàng vay vốn thuộc đối tượng quy định tại tiết b điểm 2.1 khoản 2 văn bản này đã đủ 18 tuổi nếu trong hộ gia đình không còn thành viên nào đủ 18 tuổi trở lên hoặc thành viên còn lại

không còn sức lao động, không có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

6. Mức vốn cho vay

Mức vốn cho vay tối đa 10 triệu đồng/học sinh, sinh viên

7. Lãi suất cho vay

7.1. Lãi suất cho vay 1,2%/năm.

7.2. Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay hộ nghèo tại thời điểm vay vốn.

8. Đồng tiền cho vay, trả nợ

Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

9. Thời hạn cho vay và thời gian giải ngân nguồn vốn cho vay

9.1. Đối với học sinh, sinh viên vay vốn thông qua hộ gia đình: Thời hạn cho vay tối đa 36 tháng.

9.2. Đối với trường hợp sinh viên trực tiếp đứng tên vay vốn theo quy định tại điểm 5.2 khoản 5 văn bản này:

a) Tại thời điểm vay vốn nếu thời gian dự kiến kết thúc khóa học còn từ 24 tháng trở lên thì thời hạn vay vốn tối đa được tính từ ngày vay đến hết 12 tháng sau thời điểm dự kiến kết thúc khóa học;

b) Thời điểm dự kiến kết thúc khóa học của sinh viên tại tiết a điểm này được xác định theo giấy xác nhận của nhà trường.

9.3. Thời gian giải ngân nguồn vốn cho vay

Thời gian giải ngân nguồn vốn cho vay không vượt quá thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoặc thời điểm hết nguồn vốn cho vay quy định tại khoản 1 Điều 10 Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tùy theo điều kiện nào đến trước.

10. Hồ sơ vay vốn

10.1. Hồ sơ do khách hàng vay vốn lập

a) Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TĐ áp dụng đối với học sinh, sinh viên vay vốn thông qua hộ gia đình); Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/TDMT áp dụng đối với sinh viên vay vốn trực tiếp);

b) Giấy ủy quyền (mẫu số 01/GUQ) (nếu có);

c) Giấy xác nhận của nhà trường (theo mẫu 01/TDSV) đính kèm văn bản số 720/NHCS-TDNN-HSSV ngày 29/3/2011 (áp dụng đối với sinh viên).

10.2. Hồ sơ do Tổ TK&VV lập

a) Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TĐ hoặc 10A/TĐ);

b) Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

10.3. Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

a) Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) và Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/TDMT), phần phê duyệt của ngân hàng;

b) Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

10.4. Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, khách hàng vay vốn lập: Sổ vay vốn.

11. Quy trình cho vay

11.1. Đối với học sinh, sinh viên vay vốn thông qua hộ gia đình

a) Khách hàng

Khách hàng vay vốn lập 01 liên giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) trong đó có cam kết tại thời điểm vay vốn hộ gia đình có học sinh, sinh viên không có máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến và chưa được hưởng chính sách hỗ trợ máy tính, thiết bị học tập trực tuyến dưới mọi hình thức, kèm theo giấy xác nhận của nhà trường (mẫu số 01/TDSV đối với sinh viên) và giấy ủy quyền (nếu có) gửi Tổ TK&VV nơi khách hàng đang cư trú hợp pháp.

b) Tại tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV)

- Trường hợp khách hàng vay vốn chưa là tổ viên Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tổ chức họp kết nạp bổ sung tổ viên.

- Tổ TK&VV tổ chức họp bình xét cho vay dưới sự giám sát, chứng kiến của Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố và người đại diện tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã)

- Lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm bộ hồ sơ vay vốn của khách hàng và biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD hoặc 10A/TD) trình Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã.

c) Tại UBND cấp xã

Căn cứ danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD) do tổ TK&VV gửi đến, UBND cấp xã thực hiện việc xác nhận về đối tượng và điều kiện vay vốn trên danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD), sau đó gửi Tổ TK&VV để gửi NHCSXH nơi cho vay.

d) Tại NHCSXH nơi cho vay

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ bộ hồ sơ vay vốn, cán bộ tín dụng được phân công thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát để trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt. NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt cho

vay theo mẫu số 04/TD cho UBND cấp xã để thông báo cho khách hàng vay vốn đến trụ sở NHCSXH nơi cho vay hoặc điểm giao dịch xã làm thủ tục nhận tiền vay theo quy định.

11.2. Đối với sinh viên vay vốn trực tiếp

a) Khách hàng vay vốn

Khách hàng vay vốn lập 01 liên giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/TDMT) trong đó có cam kết tại thời điểm vay vốn sinh viên không có máy tính, thiết bị đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu học tập trực tuyến và chưa được hưởng chính sách hỗ trợ máy tính, thiết bị học tập trực tuyến dưới mọi hình thức kèm theo Giấy xác nhận của nhà trường (mẫu số 01/TDSV) gửi UBND cấp xã nơi khách hàng cư trú hợp pháp.

b) Tại UBND cấp xã

Căn cứ giấy đề nghị vay vốn do khách hàng gửi đến, UBND cấp xã thực hiện việc xác nhận về đối tượng và điều kiện vay vốn trên giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01/TDMT), sau đó gửi khách hàng để gửi NHCSXH nơi cho vay.

c) Tại NHCSXH nơi cho vay

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, cán bộ tín dụng được phân công thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát để trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt. NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt cho vay theo mẫu số 04/TD cho khách hàng vay vốn đến trụ sở NHCSXH nơi cho vay làm thủ tục nhận tiền vay hoặc thông báo bằng văn bản tới khách hàng vay vốn đối với trường hợp từ chối cho vay (nêu rõ lý do từ chối).

12. Giải ngân

Căn cứ bộ hồ sơ vay vốn đã được phê duyệt, NHCSXH nơi cho vay giải ngân cho khách hàng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của khách hàng.

13. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi, thu nợ, thu lãi

13.1. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi

a) Đối với học sinh, sinh viên vay vốn thông qua hộ gia đình

- Đối với cho vay ngắn hạn (đến 12 tháng trở xuống): Trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

- Đối với cho vay trung và dài hạn (trên 12 tháng): Kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 6 tháng/lần.

- Trả lãi: Định kỳ trả lãi theo tháng.

b) Đối với sinh viên vay vốn trực tiếp

- Việc định kỳ hạn trả nợ gốc được thực hiện ngay sau khi sinh viên ra trường, kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 6 tháng/lần.

- Trả lãi: Lãi tiền vay được tính từ ngày giải ngân đến ngày trả hết nợ gốc. Lãi được trả hàng tháng, bắt đầu từ tháng đầu tiên ngay sau khi sinh viên ra trường. Số tiền lãi phải trả hàng tháng tối thiểu bằng số tiền lãi tháng cộng với số lãi được phân bổ trong thời gian sinh viên đang theo học.

13.2. Trường hợp khách hàng vay vốn chưa trả được nợ gốc phân kỳ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo nhưng không quá kỳ hạn trả nợ cuối cùng.

13.3. Thu nợ, thu lãi

a) Đối với học sinh, sinh viên vay vốn thông qua hộ gia đình: NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu nợ, thu lãi theo quy định của NHCSXH về quy trình ủy thác, ủy nhiệm và giao dịch xã.

b) Đối với sinh viên vay vốn trực tiếp: Thực hiện thu nợ, thu lãi tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay hoặc tại chi nhánh, Phòng giao dịch NHCSXH trong toàn quốc theo hướng dẫn tại khoản 2 mục II văn bản 1852/NHCS-TDSV ngày 17/6/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi nghiệp vụ cho vay HSSV mồ côi theo văn bản số 2162A/NHCS-TD.

c) Khách hàng vay vốn có thể trả nợ trước hạn.

d) Trường hợp khách hàng vay vốn trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

14. Kiểm tra sau cho vay

14.1. Đối với phương thức cho vay có ủy thác một số nội dung công việc cho các tổ chức chính trị - xã hội: Thực hiện theo các quy định về nghiệp vụ ủy thác cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào biên bản kiểm tra theo mẫu số 06/TD.

14.2. Đối với phương thức cho vay trực tiếp: Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày giải ngân, NHCSXH nơi cho vay tổ chức thực hiện kiểm tra trực tiếp. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào biên bản kiểm tra theo mẫu số 06/TD.

14.3. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm chứng minh việc sử dụng toàn bộ số tiền vay NHCSXH đúng mục đích xin vay. Khi kiểm tra, cán bộ kiểm tra ghi nhận tài liệu/hóa đơn/chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trên mẫu 06/TD.

15. Xử lý nợ

15.1. Gia hạn nợ

Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng, khách hàng vay vốn chưa có khả năng trả được nợ và có nhu cầu xin gia hạn nợ thì được NHCSXH xem xét cho gia hạn nợ. Việc gia hạn nợ được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

Việc gia hạn nợ có thể một hay nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn cho vay đối với cho vay ngắn hạn và tối đa không quá 1/2 thời hạn đã cho vay đối với cho vay trung và dài hạn.

15.2. Chuyển nợ quá hạn

a) Đối với trường hợp khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, trong thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm, NHCSXH nơi cho vay đơn đốc thu hồi, nếu khách hàng vay vốn không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

b) Đến hạn trả nợ gốc cuối cùng được ghi trong Sổ vay vốn, nếu khách hàng vay vốn không trả được nợ và không được NHCSXH cho gia hạn nợ thì chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn đồng thời tiến hành đơn đốc thu hồi nợ.

16. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo quy định của NHCSXH.

17. Hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn

Công tác hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

18. Chế độ báo cáo thống kê

18.1. Chế độ báo cáo thống kê được thực hiện theo các quy định của NHCSXH.

18.2. Định kỳ hằng quý, năm và khi kết thúc chương trình, Hội sở chính NHCSXH (Ban Kế hoạch Nguồn vốn) gửi Bộ Tài chính về kết quả thực hiện cho vay theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

19. Tổ chức thực hiện

Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các Phòng giao dịch NHCSXH có trách nhiệm:

19.1. Báo cáo UBND, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp về việc triển khai thực hiện Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ, các nội dung hướng dẫn tại văn bản này và các văn bản có liên quan;

19.2. Thực hiện đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn này về chính sách cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, quán triệt đến toàn thể cán bộ trong đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc việc cho vay đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện và mục đích vay vốn theo hướng dẫn tại văn bản này;

20. Hiệu lực thi hành

Yêu cầu Giám đốc Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan trong hệ thống NHCSXH tổ chức triển khai thực hiện./

- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ; } (để báo cáo)
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội; } (để p/hợp)
- Hội LHPN, CCB, HND, ĐTN;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Chủ tịch HĐQT NHCSXH;
- Thành viên HĐQT;
- Tổng Giám đốc, TBKS;
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Các Phó TGĐ, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính; ..
- TTĐT, TTCNTT, SGD;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TDSV.



Huỳnh Văn Thuận